

Anh Th trình bày: về thời gian và điều kiện kết hôn như cô T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn lớn xảy ra, nay cô T làm đơn xin ly hôn anh không nhất trí, anh đề nghị cô T rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ.

Về con: vợ chồng có 02 con chung là Lưu Thị M – sinh ngày 15/8/1994; Lưu Thị V – sinh ngày 10/6/1996. Hiện tại 02 cháu đã trên 18 tuổi, các cháu ở với ai là quyền các cháu, hai bên đương sự không có yêu cầu gì thêm.

Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị T và anh Th kết hôn với nhau như trình bày ở phần trên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh Th hay rượu chè, đánh đập chị T, nay chị T xin được ly hôn, anh Th không nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy việc không đồng ý ly hôn của anh Th chỉ gây khó khăn cho chị T, thực tế hai bên đương sự đã tự ly thân, mỗi người đã có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, tại biên bản hòa giải anh Th cũng thừa nhận là có lỗi với vợ con, tại phiên tòa anh vắng mặt, như vậy việc chị T yêu cầu được ly hôn là thỏa đáng. Cuộc sống vợ chồng chị T, anh Th đã đến lúc trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần xử để chị T được ly hôn anh Th là phù hợp với thực tế và phù hợp với pháp luật.

[2] Ngày 08/12/2017 Tòa án đã mở phiên tòa, tại phiên tòa anh Th vắng mặt do đó phải hoãn phiên tòa đến nay mới xét xử. Tòa án đã làm đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật nên cần xét xử vắng mặt anh Th theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Về án phí: chị T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lưu Văn Th.

2. Về án phí: chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: 0002602 ngày 18/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị T, anh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị T kể ngày tuyên án, anh Th kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- CC thi hành án dân sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Ngân

